

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HS-ST
Ngày: 10/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tình;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2020/HS-ST, ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Trường G, sinh năm 1999 tại tỉnh T.

Nơi cư trú: xã An H, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở: ấp Suối Tre, xã Tân Bình, huyện U, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn M, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974; có 01 chị sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 27/5/2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Dương.

Nơi cư trú và chỗ ở: ấp 1, xã Tân Bình, huyện U, tỉnh B. Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2, 68 tuổi; có 03 chị em ruột lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1991; vợ: Huỳnh Thị H, sinh năm: 1981; có 02 người con sinh năm 1999 và sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2020 đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Lê Văn T4, sinh năm 1987 (Chết)

2. Lê Văn Đ, sinh năm 1994 (Chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T4:

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1958;
2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1959; có mặt.
3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1991.

Ông Lê Văn B và bà Lê Thị T3 ủy quyền cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lục, tỉnh N. (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn Đ:

1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1971;
2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1972;

Ông Lê Văn M và bà Lê Thị C ủy quyền cho ông Lê Anh Q, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lục, tỉnh N. (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp Suối Tre, xã Tân Bình, huyện U, tỉnh B. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Hồ Văn Y, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Suối Tre, xã Tân Bình, huyện U, tỉnh B. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Huỳnh Trường G và Nguyễn Văn T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Huỳnh Trường G và Nguyễn Văn Đ1 là người làm công cho Nguyễn Văn T, công việc là thợ hồ xây dựng. Khoảng 14 giờ 00 ngày 25/5/2020, sau khi làm việc tại công trình xây dựng ở xã Bình M, huyện U, D, Huỳnh Trường G có gọi điện thoại hỏi mượn xe gắn máy ba bánh của Nguyễn Văn T để đi về phòng trọ của G ở ấp Suối Tre, xã Tân Bình, huyện U, tỉnh B để nghỉ (do buổi chiều không làm và G cũng không có xe đi). Tuy biết Huỳnh Trường G không có giấy phép lái xe ba bánh nhưng do nhiều lần thấy G điều khiển được xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác) nên T trả lời đồng ý giao xe cho G mượn. Sau khi mượn được xe, G rủ Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2001 cùng về chung do cả hai ở cùng dãy trọ với nhau. G điều khiển xe gắn máy ba bánh mượn của T chở theo Đ1 ngồi phía sau thùng xe lưu thông trên đường ĐH424 theo hướng từ đường Tân Bình 06 đi về Văn phòng ấp Suối Tre khi đi đến khu vực ấp Suối Tre, xã Tân Bình do vừa cầm lái, G vừa quay đầu lại nói chuyện với Đ1 nên không chú ý quan sát phía trước dẫn đến xe gắn máy ba bánh do G điều khiển lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều nên xảy ra tai nạn với xe mô tô 90B2-433.93 do Lê Văn Đ, sinh năm 1994; ĐKHKT: xã Tiêu Động, huyện L, tỉnh H điều khiển chở theo Lê Văn T4, sinh năm: 1987; HKTT: xã Tiêu Động, huyện L, tỉnh H đi theo chiều ngược lại. Sau khi xảy ra tai nạn, G nhìn thấy xe mô tô do Đ điều khiển nằm ngã bên lề đường bên phải theo hướng Đ điều khiển nhưng G vẫn điều khiển xe chạy về phía trước mà không dừng lại, đồng thời nói với Đ1 là “Về đừng nói với ai” thì Đ1 đồng ý và G điều khiển xe chở Đ1 bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau tai nạn Lê Văn Đ tử vong tại hiện trường, Lê Văn T4 được đưa đi cấp cứu và tử vong tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B.

Đến ngày 27/5/2020, qua điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã mời Huỳnh Trường G và Nguyễn Văn Đ1 về làm việc. Quá trình làm việc Huỳnh Trường G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

01 xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác) không có biển số, số khung: không có; số máy: LX162MKQC052859 của Nguyễn Văn T.

01 xe mô tô biển số 90B2-433.93 có số máy: IF63E1157851, số khung: RLHJF6300FZ630512 của Lê Văn T4.

Tại Kết luận pháp y tử thi số 393/PC09-GDPY ngày 27/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Lê Văn Đ do đa chấn thương, chấn thương ngực, bụng gây dập, vỡ đa tạng.

Tại Kết luận pháp y tử thi số 394/PC09-GDPY ngày 27/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Lê Văn T4 do choáng đa chấn thương, chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, dập rách hai phổi, vỡ gan, dập tim.

Ngày 05/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Huỳnh Trường G về tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; Quyết định khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn T về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, quy định tại khoản 2 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Chiếc xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác tự chế) của Nguyễn Văn T. Qua làm việc Nguyễn Văn T khai mua vào khoảng tháng 2017 với giá 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ một người không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành tra cứu không có trong tàng thư xe vật chứng, đã ra Thông báo truy tìm chủ sở hữu tuy nhiên không có ai đến nhận chiếc xe, chiếc xe cũng không có giấy tờ hợp pháp. Đây là phương tiện do Huỳnh Trường G điều khiển và gây ra tai nạn.

Đối với xe mô tô biển số 90B2-433.93 do Lê Văn T4 đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị Phạm Thị H, sinh năm: 1991. ĐKKHKT: xã Tiêu Động, huyện L, tỉnh H là vợ của Lê Văn T4 cho biết xe mô tô trên do hai vợ chồng chị mua vào khoảng tháng 4/2017 với giá 51.000.000 đồng. Vào ngày 25/5/2020, anh T4 điều khiển xe mô tô trên đi thăm bà con rồi đi về thì xảy ra tai nạn và tử vong. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho Phạm Thị H.

Riêng Nguyễn Văn Đ1 ngồi ở thùng xe gắn máy ba bánh để G chở về trọ tại ấp Suối Tre, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên. Khi xảy ra tai nạn thì Đ1 nhìn thấy toàn bộ sự việc nhưng do Huỳnh Trường G nói Đ1 đừng cho ai biết và do sợ hãi nên Đ1 không nói cho ai biết cho đến khi cơ quan Công an mời lên làm việc thì Đ1 thành khẩn khai lại toàn bộ sự việc xảy ra. Xét thấy hành vi trên của Nguyễn Văn Đ1 không có dấu hiệu của tội phạm nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình nạn nhân Lê Văn T4 yêu cầu Huỳnh Trường G bồi thường số tiền 250.000.000 đồng. Gia đình nạn nhân Lê Văn

Đ yêu cầu Huỳnh Trường G bồi thường số tiền 150.000.000 đồng nhưng Huỳnh Trường G và gia đình G chưa bồi thường.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình nạn nhân Lê Văn Đ số tiền 100.000.000 đồng (đã nhận xong) và đại diện hợp pháp của Lê Văn Đ đã có đơn bãi nại cho Nguyễn Văn T. Đối với gia đình nạn nhân Lê Văn T4, Nguyễn Văn T cũng đã bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng (đã nhận xong), đại diện hợp pháp của Lê Văn T4 yêu cầu bồi thường T số tiền 175.000.000 đồng nhưng T và G chưa thực hiện.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn Đ là ông Lê Anh Q xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo, ông Quang không yêu cầu các bị cáo bồi thường T; người đại diện hợp pháp của Lê Văn T4 là bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Trường G liên đới bồi thường T cho bị hại T4 là 225.000.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng tiền sửa chữa xe mô tô biển số 90B2-433.93, tổng cộng 332.000.000 đồng. Bị cáo T và G đồng ý bồi thường. Đại diện hợp pháp của Lê Văn T4 là bà Phạm Thị H xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-BTU ngày 14/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Huỳnh Trường G về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, c và đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và Nguyễn Văn T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, c và đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Huỳnh Trường G từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 264 Bộ luật hình sự, điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác) không có biển số, số khung: không có; số máy: LX162MKQC052859 của bị cáo Nguyễn Văn T do không có giấy tờ hợp pháp (xe ba gác tự chế).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Trường G và bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố, thống nhất các kết luận giám định, kết quả khám nghiệm hiện trường, các bị cáo không tranh luận đối với bản luận tội của Viện Kiểm sát; trong lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt; Đại diện hợp pháp cho các bị hại cũng không tranh luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử và quyền, nghĩa vụ của họ nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự HĐXX giải quyết vắng mặt họ.

[3] Lời khai và nhận tội của bị cáo Huỳnh Trường G và bị cáo Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp cho các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cũng như các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Cáo trạng số 64/CT-VKS-BTU ngày 14/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố bị cáo Huỳnh Trường G về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, c và d khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Huỳnh Trường G là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây ra hậu quả rất nghiêm trọng T4. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi điều khiển xe không có giấy phép lái xe là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn bất chấp điều khiển xe, bị cáo còn bỏ trốn sau khi gây tai nạn nhằm trốn tránh cơ quan chức năng. Do đó, Hội đồng xét xử cần cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, xét xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, đáp ứng tình hình xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ trên địa bàn huyện hiện nay.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, gián tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong nhân dân, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về giao thông đường bộ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc giao cho người khác điều khiển xe mà biết rõ không có giấy phép lái xe là nguy hiểm cho xã hội vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như sau:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không; Nhân thân: Không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo G và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho 02 gia đình bị hại với số tiền là 150.000.000 đồng, bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng T4 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của 02 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo G và T là lao động chính, gia đình bị cáo T được nhà nước khen thưởng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 54 BLHS xét xử bị cáo dưới khung hình phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn Đ là ông Lê Anh Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường T nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T4 là bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Trường G phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại T4 là 225.000.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng là tiền sửa chữa xe mô tô biển số 90B2-433.93, tổng cộng 332.000.000 đồng. Bị cáo T và G đồng ý nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Do chiếc 01 xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác) không có biển số, số khung: không có; số máy: LX162MKQC052859 của bị cáo Nguyễn Văn T sở hữu là không có giấy tờ hợp pháp nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 264 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung bị cáo T với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Trường G** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

1. Áp dụng điểm a, c và đ khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Huỳnh Trường G** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, được thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 291, Điều 288, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Trường G có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T4 với số tiền là 332.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu 01 (Một) xe gắn máy ba bánh (loại xe ba gác) không có biển số, số khung: không có; số máy: LX162MKQC052859 của bị cáo Nguyễn Văn T để sung vào ngân sách nhà nước.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Trường G phải liên đới nộp 16.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

